

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-PT  
Ngày 11 - 9 - 2018  
V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- *THành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa :* Ông Trần Văn Lực

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê THnh Trung

Ông Huỳnh Đắc Đương

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Bích Nhân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2018/TLPT- DS, ngày 20/3/2018 về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 120/2017/DS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 327/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2018 và Thông báo lịch xét xử số 32a/LXX-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Tiến L - Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Quách Minh K, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Đồng Văn H - Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Quách Minh H1, sinh năm 1984; địa chỉ ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Quách Minh H1:* Bà Lâm Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2018, có mặt).

2. Chị Quách Thị Minh H2, sinh năm 1987; địa chỉ ấp S, xã N, huyện C, tỉnh

Trà Vinh (vắng mặt).

3. Anh Quách Minh H3, sinh năm 1990; địa chỉ Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

4. Anh Quách Trung H4, sinh năm 1992; địa chỉ Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị H là nguyên đơn và ông Quách Minh K là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

\* *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:* Bà và ông K chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1982, đến năm 2011 đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 04 con chung gồm: Quách Minh H1, sinh năm 1984; Quách Thị Minh H2, sinh năm 1987; Quách Minh H3, sinh năm 1990 và Quách Trung H4, sinh năm 1992.

Về tài sản chung gồm:

- Thửa đất 601, diện tích 4.890m<sup>2</sup>, loại đất vườn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

- Thửa đất 670, diện tích 6.360m<sup>2</sup>, loại đất vườn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trên thửa đất này có căn nhà tường cấp 4;

- Thửa đất 200, diện tích 5.040m<sup>2</sup>, loại đất ruộng, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

- Thửa đất 199, diện tích 1.280m<sup>2</sup>, loại đất vườn, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

- Thửa đất 439, diện tích 5.850m<sup>2</sup>, loại đất ruộng, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

- Thửa đất 574, diện tích 490m<sup>2</sup>, loại đất ruộng, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

- Tiền mặt hiện ông K quản lý 563.000.000 đồng (tiền này có được do bán đất 1.000.076.000 đồng, trả Ngân hàng xong còn dư lại 563.000.000 đồng);

- 03 cái giường hộp;

- 04 cái tủ (01 tủ thờ, 02 tủ cây đựng quần áo, 01 tủ nhôm đựng ly);

- 02 cái bàn nhôm kiếng và 12 cái ghế sắt;

- 01 tủ lạnh hiệu Samsung;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu ZX biển số 84H8-4465.

Tất cả tài sản trên do ông K đứng tên và quản lý.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông K thiếu trách nhiệm lo cho gia đình, thường xuyên mắng chửi vợ con. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn với ông K.

Về con chung: Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu được hưởng 4.000m<sup>2</sup> trong thửa 439, tổng diện tích 5.850m<sup>2</sup>. Còn các thửa khác bà không yêu cầu chia mà để cho các con. Riêng thửa 601 là bà đại diện cho anh H1 yêu cầu ông K phải chia cho anh H1 3.500m<sup>2</sup>. Tiền bán đất còn lại hiện ông K quản lý 563.000.000 đồng bà yêu cầu được hưởng 281.500.000 đồng. Về giá trị căn nhà và vật dụng trong nhà và 01 chiếc xe ông K quản lý tổng trị giá 233.000.000 đồng, bà đồng ý giao cho ông K hưởng, yêu cầu ông K có thanh toán tiền cho bà 116.500.000 đồng.

Về tài sản riêng gồm có: Thửa đất 428, diện tích 458m<sup>2</sup>; thửa 326, diện tích 490m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C. Nguồn gốc có được do bà vay nợ dùm bị người vay không trả, ông K không cho tiền trả bà phải mượn tiền người khác để trả. Sau đó bà đã kiện bà Kim Thị Q và bà Q đã thi hành án nên bà có được tài sản này.

Phần tiền 128.000.000 đồng mà ông K khai lúc hòa giải là do những người nợ bà gồm: Bà Thạch Thị S nợ 30.000.000 đồng, bà Thạch thị H nợ 18.000.000 đồng, ông Đặng Văn T1 nợ 10.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T2 nợ 15.000.000 đồng, ông Hồ Quang T3 nợ 15.000.000 đồng. Tòa án đã giải quyết buộc họ trả nợ cho bà nhưng đến nay chưa thi hành được nên bà không đồng ý chia. Phần tiền của bà Q đã thi hành đất cho bà xong không liên quan trong phần tiền 128.000.000 đồng.

- 01 Chiếc xe Wave hiệu Blape biển số 84D1-24392 là bà mua sau khi ly thân với ông K nên không đồng ý chia.

*\* Theo bản tự khai và quá trình tố tụng ông Quách Minh K trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà H về thời điểm kết hôn, thời gian chung sống và con chung. Nay ông cũng không còn tình cảm với bà H nên đồng ý ly hôn.

Tài sản chung với bà H gồm có:

- Thửa đất 439, diện tích 5.850m<sup>2</sup>, loại đất ruộng, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

- Thửa đất 670, diện tích 6.360m<sup>2</sup>, loại đất vườn, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện Châu T, tỉnh Trà Vinh. Trên thửa đất này có căn nhà tường cấp 4;

- 03 cái giường hộp;

- 04 cái tủ (01 tủ thờ, 02 tủ cây đựng quần áo, 01 tủ nhôm đựng ly);

- 02 cái bàn nhôm kiếng và 12 cái ghế sắt;

- 01 tủ lạnh hiệu Samsung;

- 01 chiếc xe mô tô hiệu ZX biển số 84H8-4465;

- Tiền 180.000.000 đồng.

Tất cả tài sản trên ông đang quản lý.

- Thửa đất 428, diện tích 458m<sup>2</sup> và thửa đất 326, diện tích 490m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C do bà H đứng tên quyền sử dụng đất.

- Số tiền bà H lúc còn sống chung lấy tiền cho vay gồm: Bà Thạch Thị S vay 30.000.000 đồng, bà Thạch Thị H vay 18.000.000 đồng, ông Đặng Văn T1 vay 10.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T2 vay 15.000.000 đồng, ông Hồ Quang T3 vay 15.000.000 đồng, bà Kim Thị Q vay 40.000.000 đồng. Những người này trả cho bà H xong tổng số tiền 128.000.000 đồng.

- 01 chiếc xe Wave hiệu Blape biển số 84D1-24392 do bà H đứng tên.

- Về tài sản riêng của ông gồm các thửa đất: Thửa 200, diện tích 5.040m<sup>2</sup>, loại đất ruộng; thửa 199, diện tích 1.280m<sup>2</sup>, loại đất vườn; thửa 574, diện tích 490m<sup>2</sup> đất ruộng. Các thửa đất này ông được cha mẹ ông cho vào năm 1985 nên là tài sản riêng.

Về nợ chung: Không có

Các tài sản trên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được hưởng diện tích 3.000m<sup>2</sup>, thửa 670, các tài sản còn lại chia đôi. Tài sản riêng do cha mẹ cho ông không chia cho bà H.

*\* Anh Quách Minh H1 trình bày và có yêu cầu như sau:*

Ông K và bà H ly hôn, anh yêu cầu được hưởng diện tích đất 3.500m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 601, tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại bản án số 120/2017/HNGĐ-ST ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của bà Lâm Thị H và ông Quách Minh K.

Về tài sản chung:

- Thửa 439, diện tích 5.850m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Cổ Thát B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có độ dài và tứ cận như sau:

Hướng đông giáp thửa 435, thửa 993, kích thước 29,37m; 11,01m; 12,76m; 51,64m.

Hướng tây giáp kênh, kích thước 83,16m.

Hướng nam giáp thửa 440, kích thước 59,56m.

Hướng bắc giáp thửa 432, kích thước 84,77m. Trong thửa đất này chấp nhận cho bà H được hưởng diện tích 4.000m<sup>2</sup> (hình thức sẻ dọc từ kênh chạy dài cho hết đất).

- Thửa đất 670, diện tích 6.360m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có độ dài và tứ cận như sau :

Hướng đông giáp đường nhựa, kích thước 82,50m.

Hướng tây giáp rạch, kích thước 16,12m; 25,47m; 18,22m; 26,45m; 4,51m

Hướng nam giáp thửa 673, thửa 671, kích thước 96,70m.

Hướng bắc giáp thửa 669, kích thước 62,79m. Trong thửa đất này công nhận cho ông K được hưởng 3.000m<sup>2</sup> trên đất có căn nhà tường cấp 4 và các công trình phụ khác có trên đất hiện ông K đang quản lý sử dụng (hình thức sẻ dọc từ lộ nhựa dài hết đất). Ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông K sau khi án có hiệu lực pháp luật ông K và bà H tự làm thủ tục tách đủ diện tích mỗi người được hưởng.

- Ông K được hưởng 01 căn nhà cấp 4 và các đồ vật dụng trong nhà (như tủ, bàn ghế, giường, tủ lạnh...) và 01 chiếc xe hiệu ZX biển số 84H8-4465 do ông K đứng tên có trách nhiệm thanh toán giá trị cho bà H 116.500.000 đồng.

- Ông K đang quản lý số tiền 180.000.000 đồng, buộc ông K phải thanh toán cho bà H 90.000.000 đồng.

- Bà H đang quản lý số tiền 88.000.000 đồng, buộc bà H phải thanh toán cho ông K 44.000.000 đồng.

- Công nhận 01 chiếc xe Wave hiệu Blape biển số 84D1-24392 bà H đứng tên, thửa đất 428, diện tích 458m<sup>2</sup>; thửa 326, diện tích 490m<sup>2</sup> ở ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh do bà H đứng tên là tài sản riêng của bà H.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của anh Quách Minh H1 về yêu cầu được hưởng diện tích 3.500m<sup>2</sup>, thửa 601, tổng diện tích 4.890m<sup>2</sup>, loại đất vườn.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà H đối với các thửa đất: Thửa 601 diện tích 4.890m<sup>2</sup>, thửa 670 diện tích 6.360m<sup>2</sup>, thửa 200 diện tích 5.040m<sup>2</sup>, thửa 199 diện tích 1.280m<sup>2</sup>, thửa 574 diện tích 490m<sup>2</sup>.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận, tự nguyện, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/12/2017 nguyên đơn bà Lâm Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông K phải chia cho bà diện tích đất 4.890m<sup>2</sup>, thửa 601; diện tích đất 490m<sup>2</sup>, thửa 574; diện tích đất 5.850m<sup>2</sup>, thửa 439 cùng tọa lạc tại ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, yêu cầu ông K chia cho bà số tiền 281.500.000 đồng do bán đất để trả nợ Ngân hàng còn dư lại hiện ông K đang quản lý.

Ngày 22/12/2017, bị đơn ông Quách Minh K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia đôi diện tích đất 458m<sup>2</sup>, thửa 428 và diện tích 490m<sup>2</sup>, thửa 326 cùng tọa lạc tại xã B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vì ông K cho rằng đó là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Riêng đối với căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất số 670 ông yêu cầu chia cho con trai út tên Quách Trung H4 được hưởng 1/2 căn nhà, còn lại 1/2 căn nhà do bà H tự quyết định, ông không đồng ý thanh toán giá trị căn nhà cho bà H theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*\* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia tài sản giữa bà H và ông K còn nhiều vấn đề chưa rõ nên không đảm bảo được quyền lợi của các bên đương sự trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm về phần tài sản để giải quyết lại vụ án cho đúng pháp luật.

*\* Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà H đã tự nguyện rút yêu cầu chia 04 thửa đất, chỉ yêu cầu chia thửa 439 và thửa 670 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ phần yêu cầu của bà H đã rút, nên bà H kháng cáo là không đúng.

Bà H kháng cáo yêu cầu ông K chia cho bà H số tiền 281.500.000 đồng là không có căn cứ vì bà H không chứng minh được yêu cầu của mình.

Đối với kháng cáo của ông K về 02 thửa đất 326 và thửa 428 là tài sản được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, hai bên hoàn toàn không có văn bản thỏa thuận là tài sản riêng nên Tòa sơ thẩm cho rằng hai thửa đất này là tài sản riêng của bà H là chưa có căn cứ vững chắc, nên đề nghị chia đôi hai thửa đất này.

Án sơ thẩm còn vi phạm rất nghiêm trọng tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được như: Về cách tuyên án không đảm bảo thi hành án; thửa đất 670 đã đình chỉ nhưng lại chia cho ông K 3.000m<sup>2</sup> là mâu thuẫn, không đúng pháp luật; thửa đất 601 hiện do con ruột và con dâu của ông K, bà H đang sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét vấn đề này là vi phạm tố tụng; án sơ thẩm chưa làm rõ chủ nợ và người thiếu nợ của bà H, ông K để đưa họ vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Từ những vấn đề trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm về phần tài sản để giải quyết lại theo đúng pháp luật.

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Kháng cáo của bà H và ông K còn trong hạn luật định, Tòa sơ thẩm công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà H và ông K là phù hợp pháp luật.

Về tài sản chung: Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với thửa đất 601, diện tích 4890m<sup>2</sup>; thửa 670, diện tích 6.360m<sup>2</sup>; thửa 200, diện tích 5040m<sup>2</sup>, thửa 199, diện tích 1280m<sup>2</sup> và thửa 574, diện tích 490 m<sup>2</sup>, nhưng lại giải quyết cho ông K được hưởng 3.000m<sup>2</sup> trong thửa 670 là không đúng. Thửa đất 439 chia cho bà H được hưởng 4.000m<sup>2</sup> nhưng không tuyên rõ vị trí tứ cận, phần còn lại không tuyên công nhận cho ai được quyền sử dụng là không đảm bảo thi hành án.

Án sơ thẩm tuyên thửa đất 326 và thửa đất 428 là tài sản riêng của bà H là chưa phù hợp, vì đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Tòa sơ thẩm không đưa những người nợ vợ chồng và những người vợ chồng nợ vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Tòa án sơ thẩm đưa chị Nguyễn Thị L vào tham gia tố tụng nhưng không lấy lời khai của chị L là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Bà H cho rằng những người vợ chồng như bà S, bà H, ông T1, ông T2, ông T3 tổng số tiền 88.000.000 đồng, Tòa án Châu Thành đã giải quyết nhưng chưa thi hành, ông K cho rằng đã thi hành xong nhưng Tòa sơ thẩm không làm rõ mà buộc bà H chia tiền này cho ông K là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm ông K khai có nợ chung, nhưng Tòa án sơ thẩm không làm rõ nợ chung này như thế nào là giải quyết chưa toàn diện vụ án.

Về án phí tuyên chưa đúng, vì ông K và bà H thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí, nhưng tòa sơ thẩm không hướng dẫn ông K và bà H làm thủ tục miễn giảm án phí mà buộc ông K và bà H phải chịu án phí sơ thẩm là không đúng quy định pháp luật. Xét thấy án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Lâm Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Quách Minh K và yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án tranh chấp ly hôn, tranh chấp tài sản và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bản án sơ thẩm số 120/2017/HNGD-ST ngày 07/12/2017 là đúng thẩm quyền.

[2] Theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị H về phân tài sản yêu cầu giải quyết 06 thửa đất, vì bà H cho rằng là tài sản chung của vợ chồng. Tại Tòa án sơ thẩm bà H có ý kiến chia cho bà diện tích đất 4.000m<sup>2</sup> và chia cho mỗi người con diện tích đất 3.500m<sup>2</sup>. Án sơ thẩm không làm rõ vấn đề này mà đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về các thửa đất: Thửa 601 diện tích 4890m<sup>2</sup>, thửa 670 diện tích 6.360m<sup>2</sup>, thửa 200 diện tích 5040m<sup>2</sup>, thửa 199 diện tích 1280m<sup>2</sup> và thửa 574 diện tích 490 m<sup>2</sup> là chưa đúng theo yêu cầu của bà H. Việc chia tài sản là đất như án sơ thẩm tuyên không đảm bảo thi hành án.

[3] Ông Quách Minh K có yêu cầu phản tố chia 02 thửa đất 326 và thửa 428 vì ông cho rằng đây là tài sản chung. Bà H khai số tiền mua 02 thửa đất này bà mượn nợ của người khác nên cho rằng tài sản riêng không đồng ý chia. Ngoài ra, bà H và ông K còn khai hiện nay còn nhiều người khác nợ vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này để xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án nhưng lại tuyên tài sản riêng của bà H là chưa đảm bảo quyền lợi của ông K, kể cả bà H.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lâm Thị H và ông Quách Minh K đều có chung ý kiến 06 thửa đất sẽ chia cho 04 người con chung mỗi người một phần để sử dụng. Thửa đất 601 hiện nay anh Quách Minh H1 cùng vợ là chị Trương Thị Phúc đang quản lý sử dụng tài sản này, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ anh H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án là xâm phạm đến quyền lợi của chị Trương Thị P.

[5] Hồ sơ vụ án còn nhiều vi phạm khác như việc tổng đạt giấy triệu tập của Tòa án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bà H nhận thay nhưng không yêu cầu bà H cam kết giao tận tay người được triệu tập, bà H khai có đương sự bà không trực tiếp giao được do làm ăn xa là tổng đạt không hợp lệ. Biên bản phiên tòa không phản ánh đương sự ai có mặt, ai vắng mặt, giờ kết thúc phiên tòa.

[6] Từ những nội dung nhận định trên, xét thấy án sơ thẩm đã vi phạm rất nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Nên chấp nhận ý kiến của các vị Luật sư và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa hủy một phần bản án sơ thẩm về phân tài sản.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Hủy một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 120/2017/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành về phân tài sản. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết lại vụ án về tranh chấp chia tài sản giữa nguyên đơn bà Lâm Thị H với bị đơn ông Quách Minh K theo đúng quy định của pháp luật.

#### **2. Về án phí:**

+ Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản: Sẽ được xem xét khi vụ án giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị H và ông Quách Minh K không phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lâm Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014971 ngày 02/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Hoàn trả cho ông Quách Minh K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014957 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

**3. Về chi phí tố tụng:** Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Lực**